

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án
Trường nội trú liên cấp TH&THCS Sơn Thủy**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14; Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14; Luật số 62/2020/QH14; Luật số 45/2024/QH15; Luật số 47/2024/QH15; Luật số 55/2024/QH15; Luật số 61/2024/QH15; Luật số 84/2025/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 95/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 3783/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt dự án Trường nội trú liên cấp TH&THCS Sơn Thủy;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 66/TTr-SXD ngày 18/3/2026 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Trường nội trú liên cấp TH&THCS Sơn Thủy (Kèm theo báo cáo thẩm định số 2422/SXD-HĐXD ngày 18/3/2026).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Trường nội trú liên cấp TH&THCS Sơn Thủy với những nội dung sau:

1. Điều chỉnh Chủ đầu tư: Từ “Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Quan Sơn” thành “Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa”.

2. Điều chỉnh quy mô đầu tư: Cắt giảm các hạng mục xây dựng tại 02 điểm trường lẻ (điểm trường Hiết và Mùa Xuân) ra khỏi dự án.

3. Điều chỉnh tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh (làm tròn): **142.926.196.000 đồng**.

Trong đó:

- Chi phí GPMB:	2.028.624.000 đồng;
- Chi phí xây dựng:	107.903.550.084 đồng;
- Chi phí thiết bị:	8.139.597.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	2.127.932.775 đồng;
- Chi phí TVĐTXD:	8.011.419.405 đồng;
- Chi phí khác:	1.721.782.530 đồng;
- Chi phí dự phòng:	12.993.290.579 đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

4. Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư dự án: Từ “Nguồn ngân sách Trung ương và các nguồn huy động hợp pháp khác” thành “Nguồn ngân sách Trung ương; ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác thực hiện giải phóng mặt bằng, đầu tư hoàn trả Trường Mầm non”.

5. Điều chỉnh hình thức quản lý dự án: Từ “Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực (Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Quan Sơn)” thành “Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành (Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa)”.

6. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 3783/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

7. Lý do điều chỉnh: Theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 520/BGDĐT-KHTC ngày 30/01/2026 (nội dung này đã được Chủ tịch UBND tỉnh thống nhất tại Thông báo Kết luận số 68/TB-UBND ngày 27/02/2026).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Xây dựng, Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán,...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ báo cáo, đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng các quy định của pháp luật; tập trung chỉ đạo để bảo đảm hoàn thành dự án theo tiến độ đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa; Chủ tịch UBND xã Sơn Thủy; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCTTT UBND tỉnh Mai Xuân Liêm;
- Lưu: VT, NNMT, VHXX, CNXDKH_{TM}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH
Dự án: Trường nội trú liên cấp TH&THCS Sơn Thủy

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tổng mức đầu tư theo Quyết định số 3783/QĐ-UBND ngày 03/12/2025	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác	Chênh lệch
I	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC	2.028.624.000	2.028.624.000	0	2.028.624.000	0
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG	131.908.486.276	107.903.550.084	71.614.728.279	36.288.821.805	-24.004.936.192
1	Điểm trường chính	71.614.728.279	71.614.728.279	71.614.728.279	0	0
2	Hoàn trả Trường Mầm non	36.288.821.805	36.288.821.805	0	36.288.821.805	0
3	Điểm trường Mùa Xuân	22.367.406.060	0			-22.367.406.060
4	Điểm trường Hiết	1.637.530.132	0			-1.637.530.132
III	CHI PHÍ THIẾT BỊ	12.278.449.000	8.139.597.000	7.776.597.000	363.000.000	-4.138.852.000
1	Điểm trường chính	7.776.597.000	7.776.597.000	7.776.597.000	0	0
2	Hoàn trả Trường Mầm non	363.000.000	363.000.000	0	363.000.000	0
3	Điểm trường Mùa Xuân	2.753.663.000	0			-2.753.663.000
4	Điểm trường Hiết	1.385.189.000	0			-1.385.189.000
IV	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	2.600.380.289	2.127.932.775	1.455.832.657	672.100.118	-472.447.514
V	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	8.906.786.266	8.011.419.405	6.227.580.262	1.783.839.144	-895.366.860
1	Chi phí khảo sát, lập QH chi tiết 1/500	474.050.000	474.050.000	474.050.000	0	0

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tổng mức đầu tư theo Quyết định số 3783/QĐ- UBND ngày 03/12/2025	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác	Chênh lệch
2	Chi phí kiểm định đánh giá chất lượng hiện trạng công trình	351.283.000	351.283.000	351.283.000	0	0
3	Chi phí khảo sát xây dựng	762.955.000	762.955.000	762.955.000	0	0
4	Chi phí giám sát công tác khảo sát	31.270.000	31.270.000	31.270.000	0	0
5	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	790.000.000	790.000.000	790.000.000	0	0
6	Chi phí lập hồ sơ đăng ký môi trường	35.625.000	35.625.000	35.625.000	0	0
7	Chi phí thẩm tra thiết kế PCCC bước TKCS	4.635.000	4.635.000	4.635.000	0	0
8	Chi phí thiết kế BVTC và dự toán	2.878.467.767	2.401.493.012	1.593.438.371	808.054.640	-476.974.755
9	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	176.896.347	153.218.872	101.663.768	51.555.103	-23.677.475
10	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	172.994.222	150.026.812	99.545.773	50.481.039	-22.967.410
11	Chi phí thẩm định giá	250.000.000	250.000.000	250.000.000	0	0
12	Chi phí giám sát thi công xây dựng	2.320.463.848	1.981.205.134	1.314.569.006	666.636.128	-339.258.714
13	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	99.937.647	67.449.141	64.441.125	3.008.016	-32.488.506
14	Chi phí thí nghiệm cọc	308.208.435	308.208.435	154.104.218	154.104.218	0
15	Chi phí tư vấn khác	250.000.000	250.000.000	200.000.000	50.000.000	0
VI	CHI PHÍ KHÁC	1.822.571.489	1.721.782.530	1.241.771.630	480.010.901	-100.788.959
1	Chi phí bảo hiểm công trình (Phụ lục III, Nghị định số 67/2023/NĐ-CP)	105.983.650	86.697.921	57.525.795	29.172.126	-19.285.729

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tổng mức đầu tư theo Quyết định số 3783/QĐ- UBND ngày 03/12/2025	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác	Chênh lệch
2	Chi phí rà phá bom mìn	250.000.000	250.000.000	200.000.000	50.000.000	0
3	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư số 28/2023/TT-BTC, Thông tư số 64/2025/TT-BTC)	13.952.250	13.952.250	13.952.250	0	0
4	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công (Thông tư số 27/2023/TT-BTC, Thông tư số 64/2025/TT-BTC)	48.716.348	42.215.976	28.011.140	14.204.837	-6.500.372
5	Phí thẩm định dự toán xây dựng công trình (Thông tư số 27/2023/TT-BTC, Thông tư số 64/2025/TT-BTC)	47.391.553	41.230.773	27.357.438	13.873.335	-6.160.780
6	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	182.520.000	182.520.000	124.871.697	57.648.303	0
7	Chi phí kiểm toán độc lập	600.841.800	600.841.800	411.068.021	189.773.779	0
8	Chi phí thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy (Thông tư số 70/2025/TT- BTC)	4.212.000	4.212.000	2.881.655	1.330.345	0
9	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Thông tư số 10/2021/TT-BXD)	448.222.499	379.380.421	255.372.246	124.008.175	-68.842.078
10	Chi phí lập thỏa thuận đấu nối với điện lực	100.000.000	100.000.000	100.000.000	0	0
11	Chi phí nghiệm thu đường cáp trên không	9.767.117	9.767.117	9.767.117	0	0
12	Chi phí nghiệm thu đường cáp ngầm: 35kV	3.002.050	3.002.050	3.002.050	0	0

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tổng mức đầu tư theo Quyết định số 3783/QĐ- UBND ngày 03/12/2025	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác	Chênh lệch
13	Chi phí nghiệm thu trạm biển áp	7.962.222	7.962.222	7.962.222	0	0
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	15.954.529.732	12.993.290.579	8.831.650.983	4.161.639.597	-2.961.239.152
	<i>Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh</i>	15.954.529.732	12.993.290.579	8.831.650.983	4.161.639.597	-2.961.239.152
	TỔNG CỘNG (làm tròn)	175.500.000.000	142.926.196.000	97.148.161.000	45.778.036.000	-32.573.631.000